

CÔNG TY TNHH NOVIGO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NOVIGO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NOVIGO CO.,LTD

Tên công ty viết tắt: NOVIGO COMPANY LIMITED

2. Mã số doanh nghiệp: 0107996552

3. Ngày thành lập: 03/10/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

No21-LK758, khu Bờ Hội, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913394151

Fax:

Email: congtynovigo@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết : - Hoạt động trang trí nội thất, ngoại thất	7410
2.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
3.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
4.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu những mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
6.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
7.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
9.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
10.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
11.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
12.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
13.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
14.	In ấn	1811
15.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
16.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
17.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
18.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
19.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

20.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
21.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
22.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
23.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
24.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
25.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
26.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
27.	Tái chế phế liệu	3830
28.	Xây dựng nhà các loại	4100
29.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
30.	Xây dựng công trình công ích	4220
31.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn)	4290(Chính)
32.	Phá dỡ	4311
33.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
34.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
35.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
36.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
37.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
38.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
39.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: đại lý, môi giới	4610
40.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
41.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
42.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
44.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
45.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
46.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
47.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
48.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
49.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
50.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799

51.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
52.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;	4932
53.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
56.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)	7110
57.	Quảng cáo	7310
58.	(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ HẢI ĐĂNG	Cụm 3, Xã Võng Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.900.000.000	95,000	111349526	
2	ĐÀM HƯƠNG QUỲNH NGÀ	Cụm 3, Xã Võng Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100.000.000	5,000	017323766	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ HẢI ĐĂNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/06/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 111349526

Ngày cấp: 22/04/2009

Nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Cụm 3, Xã Võng Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: No21-LK758, khu Bờ Hội, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội